TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HS-ST
Ngày 19-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Tống Văn Tâm;

2/ Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nhâm Hoàng Long - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 139/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

1/ Nguyễn Minh T, sinh năm 2001 tại Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và Võ Bé H; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16/5/2020 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính "Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc" thời gian 14 tháng; bị bắt, tạm giữ ngày 23/11/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. Có mặt

2/ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2002 tại Bình Dương; nơi cư trú: Khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Út N và bà Trịnh Thị H1; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 23/11/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay. Có mặt

Bị hại: Bà Lê Thị P, sinh năm 1997; địa chỉ: Nhà T, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Tiến Đ1, sinh năm 2001; địa chỉ: Khu phố L, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1970; địa chỉ: Khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

- Bà Trịnh Thị H1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Ông Trần Văn N1, sinh năm 2000; địa chỉ: Nhà T Nguyễn Thị T2, Tổ B, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2004; địa chỉ: Ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Tấn B có mối quan hệ là bạn quen biết với nhau. Khoảng 20 giờ 00 ngày 18/11/2023, T đang ở phòng trọ thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì nhận được điện thoại của B gọi cho T rủ đi cướp giật điện thoại để bán lấy tiền tiêu xài thì T đồng ý. Sau đó, T gọi cho Đ đến phòng trọ của T để chở T đến phòng trọ của Trần Văn N1 mượn xe mô tô để đi cướp giật điện thoại thì Đ đồng ý. Khi đến phòng trọ của N1, Trí giả vờ hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Future màu trắng biển số 71L1-021.07 của N1 để đẩy xe của Đ về vì xe máy của Đ bị hết xăng thì N1 đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 71L1-021.07 về phòng trọ rồi giao xe mô tô biển số 71L1-021.07 cho B điều khiển chở T chạy lòng vòng để đi tìm kiếm tài sản.

Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, B và T đi đến tiệm Đ2 mobile thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Lúc này, T đi bộ vào bên trong tiệm điện thoại Đ2 mobile giả vờ mua điện thoại nhằm mục đích cướp giật tài sản, còn B ngồi trên xe mô tô cách cửa ra vào của tiệm điện thoại khoảng 03 mét để chờ. Khi vào cửa hàng điện thoại, T gặp bà Lê Thị P thì T nói muốn mua điện thoại di động rồi yêu cầu bà P lấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng cho T xem, T cầm chiếc điện thoại lên xem. Lợi dụng, lúc bà P không chú ý và quay về phía sau thì T nhanh chóng cầm điện thoại chạy ra chỗ Beo đang đứng đợi sẵn lên xe mô tô bỏ chạy tẩu thoát.

Sau đó, T đem xe mô tô 71L1-021.07 trả lại cho N1 còn B đi bộ về phòng trọ của T trước. Sau khi trả xe cho N1, T điện thoại cho Đ chạy xe tới rước T về phòng trọ. Lúc này, T bỏ chiếc điện thoại di động Iphone 11 promax màu vàng vừa cướp giật được vào túi quần bên phải của Đ thì Đ hỏi "Cái gì vậy?" T trả lời là "điện thoại mới giật được". Khi về đến phòng trọ thì T nói Đ đưa lại điện thoại vừa giật được cho T. Sau đó T và B bàn bạc và thống nhất là T sẽ mang điện thoại đi cầm cố lấy tiền, sau đó T sẽ chuyển khoản cho B sau. Nói chuyện khoảng 15 phút thì B ra đón xe ôm đi về còn T mang điện thoại đi cầm cố tại cửa hàng C do

ông Nguyễn Tiến Đ1 làm chủ được số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, T đưa tiền mặt cho Đ để đi nạp vào tài khoản Ngân hàng cho T. Lúc này, T chuyển khoản cho Đ 200.000 đồng và chuyển cho B số tiền 1.900.000 đồng, số tiền còn lại trong tài khoản T giữ tiêu xài. Đến ngày 21/11/2023, T gọi cho B bàn bạc sẽ bán luôn chiếc điện thoại thì B đồng ý. Sau đó T đi đến cửa hàng cầm đồ Tiến Đ1 yêu cầu bán luôn chiếc điện thoại thì ông Đ1 đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng, T chia cho B số tiền 1.000.000 đồng còn lại 1.000.000 đồng T để tiêu xài.

Ngày 22/11/2023, qua điều tra xác minh Công an phường K đã mời T và Đ về trụ sở để làm việc thì T và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp giật điện thoại của chị P vào ngày 18/11/2023. Qua lời khai của T và Đ, Cơ quan Công an đã thu hồi được điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng tại tiệm C1.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax màu vàng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Furure Fi màu trắng biển số 71L1-021.07 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71L1-021.07;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamai-Tax màu vàng đen, biển số 61E1-199.18;

- 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh của Nguyễn Minh T;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của Nguyễn Văn Đ;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 161/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố T kết luận: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax 64GB, màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị là 9.500.000 đồng. Ngày 18/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà P.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Furure Fi màu trắng biển số 71L1-021.07 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71L1-021.07 do Trần Văn N1 đứng tên chủ sở hữu. Ngày 18/11/2023, N1 cho Nguyễn Minh T mượn nhưng không biết T sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 18/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 71L1-021.07 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe cho Trần Văn N1.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamai-Tax màu vàng đen, biển số 61E1-199.18 qua tra cứu do ông Nguyễn Thanh L đứng tên chủ sở hữu. Ông L cho bà Trịnh Thị H1 (là mẹ ruột của Nguyễn Văn Đ) mượn để làm phương tiện đi lại. Ngày 18/11/2023, Nguyễn Văn Đ sử dụng xe mô tô này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì bà H1 không biết. Ngày 18/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô biển số 61E1-199.18 cho ông Nguyễn Thanh L.

Về vấn đề dân sự: Bị hại Lê Thị P đã được trả lại điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 promax 64GB, màu vàng, ông Nguyễn Tiến Đ1 đã được gia đình

Nguyễn Minh T bồi thường số tiền 6.000.000 đồng. Chị P và ông Đ1 không có yêu cầu gì thêm đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T và Đ.

Đối với Nguyễn Tấn B, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định khởi tố bị can về tội "Cướp giật tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, quá trình điều tra đến nay không xác định được bị can Nguyễn Tấn B đang ở đâu. Ngày 20/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với bị can Nguyễn Tấn B. Khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Cáo trạng số 155/CT-VKSTU ngày 16/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố; lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, tỏ thái độ ăn năn, hối hận và mong muốn được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 20 giờ 50 phút ngày 18/11/2023, tại tiệm Đ2 mobile thuộc khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Minh T đã có hành vi giả vờ hỏi mua 01 điện di động nhãn hiệu Iphone 11 promax 64GB, màu vàng của bị hại Lê Thị P có giá trị 9.500.000 đồng rồi nhanh chóng lên xe mô tô do Nguyễn Tấn B chờ sẵn tẩu thoát. Nguyễn Văn Đ biết T và B đi cướp giật tài sản nhưng vẫn giúp T đi mượn xe mô tô để làm phương tiện phạm tội, đồng thời giúp T chuyển tiền bán điện thoại vào tài khoản ngân hàng của T đồng thời hưởng lợi số tiền 200.000 đồng. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố cũng như luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo T là người nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản, rủ các bị cáo khác phạm tội và là người trực tiếp có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo Đ có vai trò giúp sức tích cực. Bị cáo T phải chịu trách nhiệm cao hơn.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; các bị cáo tác động gia đình trả lại tiền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo Đ có nhân thân tốt.

[7] Về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Xét thấy mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là tương xứng tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn Đ không liên quan hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ; đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh của Nguyễn Minh T và điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của Nguyễn Văn Đ là phương tiện phạm tội do đó cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Đ phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2023.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/11/2023.

2. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh và điện thoại di động nhãn hiệu Vivo.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: Căn cước công dân mang tên bị cáo.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên)

3. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV 06 Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Hưởng